

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04- 02- 2020

V/v: “*Tranh chấp về ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tôn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh;

2. Bà Vũ Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Ông Võ Hoàng Hật - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 135/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/12/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07/01/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Danh V - sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A1, xã Đ, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Bà Thị Th - sinh năm 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A1, xã Đ, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 09/4/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Danh V trình bày: Tôi và vợ là Thị Th có tìm hiểu nhau trước và được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương vào năm 1986, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn vợ chồng tôi sống hạnh phúc được khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên vợ tôi đã bỏ nhà đi từ năm 2010 đến nay không về địa phương. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được nữa, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà Thị Th.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có 03 người chung tên Thị L - sinh năm 1989, Danh A – sinh năm 1991 và Thị H – sinh năm 1993, hiện nay các con đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi xác định vợ chồng không có tài sản chung và cũng không thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyện vọng: Về hôn nhân tôi xin được ly hôn với bà Thị Th.

Về con chung: Các con đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi xác định không có tài sản chung và không thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bà Thị Th trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Th nhiều lần nhưng bà vắng mặt không có lý do. Đồng thời, Tòa án cũng đã tiến hành thông báo tìm kiếm bà Th trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng đến nay bà Th cũng không có mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang có ý kiến: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo tổng đạt đúng quy định nhưng vắng mặt tại phiên là tòa không tuân thủ quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cũng còn một số vi phạm như vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử nên đề nghị Tòa án khắc phục sau này.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy định của pháp luật đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Danh V được ly hôn với bà Thị Th. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa ông Danh V và bà Thị Th là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Thị Th được Tòa án thông báo tìm kiếm trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng tại nơi bà có hộ khẩu thường trú theo quy định của pháp luật nhưng bà Th không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Th.

[2] Về hôn nhân: Ông Danh V và bà Thị Th kết hôn với nhau vào năm 1986, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục nhưng không có đăng ký kết hôn tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tuy hôn nhân của ông V và bà Th không có đăng ký kết hôn tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng ông và bà chung sống với nhau từ năm 1986 được Công an xã Đ xác nhận theo đơn xác nhận ngày 09/4/2019. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của ông V và bà Th là hôn nhân thực tế theo quy định tại Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật bảo vệ.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Dù hôn nhân của ông V và bà Th là hôn nhân tự nguyện và có tìm hiểu nhau trước nhưng do chưa tìm hiểu kỹ cá tính của nhau nên khi xác lập cuộc sống chung vợ chồng thì lại bộc lộ ra những cá tính không phù hợp. Ông V cho rằng vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, tính

tình không hợp nhau, vợ chồng đã không còn tình cảm gì với nhau. Hiện nay, bà Th đã bỏ địa phương đi từ năm 2010 đến nay nhưng không biết đi đâu. Ngày 27/11/2019 và ngày 17/12/2019 Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng bà Th không có mặt tại Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bà Th. Xét thấy vợ chồng ông bà đã sống ly thân với nhau từ năm 2010 đến nay do bà Th đã bỏ phươg, mặc dù ông V tìm kiếm nhưng đến nay vẫn không biết bà Th ở đâu. Tại phiên tòa, ông V tỏ rõ thái độ không còn yêu Th bà Th và ông V cương quyết xin ly hôn với bà Th. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn của ông bà đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông V.

Đối với bà Thị Th, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án kết hợp với chính quyền địa phương trực tiếp đến nhà bà Thị Th tổng đạt các văn bản đúng theo qui định của pháp luật và thông báo cho bà Th trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng tại nơi bà có hộ khẩu thường trú theo quy định của pháp luật nhưng bà Th không có mặt tại Tòa án để làm các văn bản gửi cho Tòa án nên không có căn cứ để xem xét ý kiến của bà Th.

[4] Về con chung: Ông Danh V xác định ông và bà Th có 03 người chung tên Thị L - sinh năm 1989, Danh A – sinh năm 1991 và Thị H – sinh năm 1993. Các con đều đã trưởng thành và đã có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Danh V xác định ông và bà Th không có tài sản chung và không thiếu nợ ai nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Tại phiên tòa sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn và Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là: 300.000 đồng ông Danh V phải nộp do ông có yêu cầu xin ly hôn nhưng ông được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0004138, ngày 14/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, ông V đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm. Về chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng ông Danh V tự nguyện chịu nộp và đã nộp xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Danh V được ly hôn với bà Thị Th.
2. Về con chung: Hội đồng xét xử miễn xét.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử miễn xét.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là: 300.000 đồng ông Danh V phải nộp do ông có yêu cầu xin ly hôn nhưng ông được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0004138, ngày 14/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, ông V đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm. Về chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng ông Danh V tự nguyện chịu nộp và đã nộp xong.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án là ngày 04/02/2020. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh;
- VKS huyện Gò Quao;
- Chi cục THA huyện Gò Quao;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tôn